

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Bà Sứ Thị Huyền Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chon E, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông E tự nguyện tìm hiểu rồi được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay vợ chồng thống nhất ly hôn để trả lại tự do cho nhau, không ai ràng buộc ai.

Về con chung: Bà N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị Bé C, sinh ngày 05/9/1992, giới tính nữ; Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993 (Đã chết) và Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/8/2008 giới tính nam. Hiện nay cháu Bé còn đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu K bà N yêu cầu tiếp tục nuôi. Không yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 23/12/2022 bị đơn ông Nguyễn Chơn E trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung.

Về quan hệ hôn nhân: Nay bà N yêu cầu ly hôn ông E đồng ý ly hôn vì vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc.

Về con chung: Hiện nay cháu Bé C đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu K bà N yêu cầu tiếp tục nuôi, ông Em thống nhất giao cháu K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà N yêu cầu ly hôn với ông E và yêu cầu giải quyết về con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; Bị đơn ông Nguyễn Chơn E có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện nên Tòa nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà N và ông E bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1990, ông bà chung sống là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Trong quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà N xin ly hôn, ông E cũng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông E.

[2.2] *Về con chung*: Bà N và ông E đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên là Nguyễn Thị Bé C, sinh ngày 05/9/1992, giới tính nữ; Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993 (Đã chết) và Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/8/2008 giới tính nam. Hiện nay cháu Bé C đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu K bà N yêu cầu tiếp tục nuôi. Không yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi con. Ông E thống nhất giao cháu K cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng nên HĐXX ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung: Bà N và ông E xác định tài sản chung trong quá trình chung sống vợ chồng tự thỏa thuận. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà N và ông E xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không thiếu nợ ai.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà N chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Chơn E.

2 - Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà N và ông E. Ông E thống nhất giao cháu Nguyễn Duy K, giới tính: Nam, sinh ngày 03/8/2008 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông E không phải cấp dưỡng nuôi con, (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*), điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Ông E được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cháu Bé C đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3- Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà N và ông E tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà N và ông E khai không có nợ chung.

4- Án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị N chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002631 ngày 07/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2023)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Mỹ Vinh
(Đã ký)**